

PHƯƠNG ÁN

CHÀO BÁN CỔ PHẦN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU ĐỂ TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ

I. Giới thiệu về tổ chức chào bán

1. Giới thiệu chung

- Tên gọi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Tên tiếng Anh: KIS Viet Nam Securities Corporation
- Tên giao dịch: KIS
- Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà TNR, số 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh: Tầng 2, Tháp 1 toà nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội
- Điện thoại: (84-28) 3914-8585 Fax: (84-28) 3821-6898
- Website: www.kisvn.vn
- Giấy phép HKKD số 56/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 05/07/2007 và Giấy phép điều chỉnh lần thứ 11 số 35/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/06/2020.
- Vốn điều lệ hiện tại: 2.596.316.050.000 đồng
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
 - + Môi giới chứng khoán
 - + Tự doanh chứng khoán
 - + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - + Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - + Lưu ký chứng khoán
 - + Tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác được pháp luật cho phép.

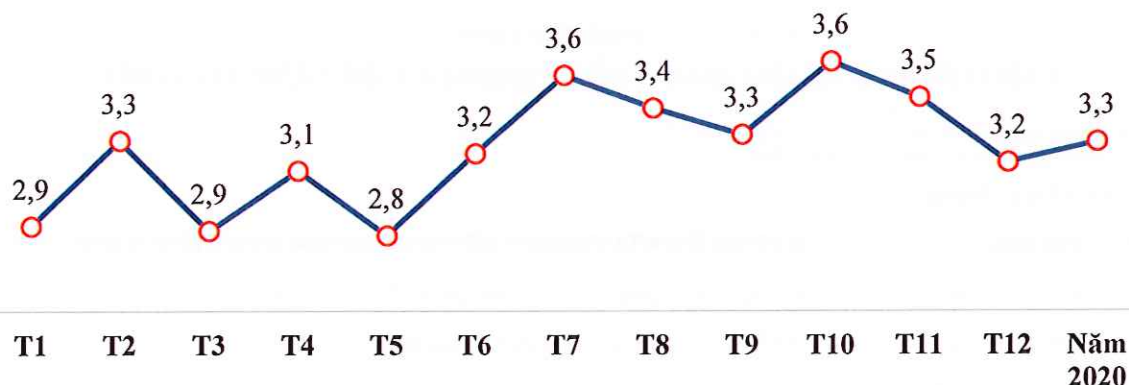


2. Tình hình hoạt động kinh doanh:

2.1 Dịch vụ Môi giới:

Thị phần môi giới

Thị phần môi giới KIS Việt Nam trên TTCK 2020 (%)



2.2 Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Tổng giá trị tài sản	2.662.740	3.556.956	6.323.549
2	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	298.762	408.313	892.382
3	Chi phí hoạt động kinh doanh	130.705	163.687	546.083
4	Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh	168.058	244.625	346.299
5	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động tài chính	(9.823)	4.380	(5.153)
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.911	88.986	98.735
7	Lợi nhuận/(lỗ) thuần của hoạt động kinh doanh	87.324	160.019	242.411
8	Lợi nhuận/(lỗ) khác	15	128	(338)
9	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	87.339	160.147	242.072
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	69.181	126.773	198.097
11	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0
12	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân năm (cổ phiếu)	189.701.100	189.701.100	259.631.605
13	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	447	668	872

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020

3. Tình hình hoạt động tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Công ty áp dụng theo Hệ thống chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

3.1 Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào hoạt động như dự kiến.
- Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, cụ thể:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản cố định khác	8
Tài sản vô hình	3-5

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

3.2 Chế độ tiền lương

- Mức lương bình quân của nhân viên Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là 12.348.875 đồng/người/tháng. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ thưởng, phụ cấp cho nhân viên.

3.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

- Công ty luôn thanh toán công nợ đúng với thời hạn thỏa thuận với khách hàng. Vào thời điểm 31/12/2020, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

3.4 Các khoản phải nộp theo luật định

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh việc kê khai và kịp thời nộp các khoản thuế, các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước đang áp dụng cho Công ty theo quy định.

3.5 Trích lập các quỹ theo luật định

- Việc trích lập các quỹ của Công ty hàng năm được căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, Điều lệ của công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

3.6 Tình hình công nợ

a) Các khoản phải trả

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
I	Nợ ngắn hạn	696.277	1.463.721	3.326.182
1	Vay ngắn hạn	490.100	1.161.000	2.276.700
2	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	0	100.000	244.000
3	Phải trả người bán	1.641	6.927	82.654
4	Người mua trả tiền trước	135	44	0
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.826	11.585	17.384
6	Phải trả CNV	5.684	6.297	3.633
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	40	212	233

8	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		0	0
9	Chi phí phải trả	6.002	30.009	44.135
10	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	185.839	147.633	655.979
11	Phải trả phải nộp khác	11	14	1.465
II	Nợ dài hạn	0	0	6.729
Tổng cộng		696.277	1.463.721	3.332.911

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020

b) Các khoản phải thu

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2018	2019	2020
1	Phải thu khách hàng	8.791	29.419	85.909
2	Trả trước cho người bán	1.042	1.223	3.442
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	14.347	545	2.206
4	Các khoản phải thu khác	164	160	194
5	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0	0
Tổng cộng		26.824	31.348	91.751

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020

3.7 Danh mục đầu tư tài chính và tiền tại thời điểm 31/12/2020 theo số liệu trước kiểm toán

Chỉ tiêu	Giá trị (1.000 đồng)	Tỷ lệ (%)
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	541.207	34,71%
Cổ phiếu chưa niêm yết	14.479	0,93%
Cổ phiếu niêm yết	1.003.746	64,37%
Tổng cộng	1.559.432	100%

Nguồn: Số liệu báo cáo kiểm toán năm 2020

3.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2018	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,74	2,39	1,85
▪ Hệ số thanh toán nhanh	3,74	2,39	1,85
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,26	0,41	0,53

▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,70	1,11
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,11	0,11	0,18
▪ Vòng quay hàng tồn kho	n/a	n/a	n/a
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,23	0,32	0,22
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,04	0,06	0,08
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,03	0,04	0,04
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/doanh thu thuần	0,56	0,60	0,38

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 và 2020

4. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

4.1 Những nhân tố khó khăn

- Năm 2021 chứng kiến các nước phát triển bắt đầu triển khai mạnh mẽ công tác tiêm Vaccine để bình thường hóa hoạt động kinh tế. Tính đến ngày 19-3, riêng tại Việt Nam đã thực hiện tiêm vaccine phòng Covid-19 cho 30.971 người. Tuy nhiên, thế giới cũng như Việt Nam vẫn phải đối diện với tương lai bất ổn gây ra do dịch bệnh với diễn biến phức tạp của các biến thể virus mới.
- Hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) xuất hiện hiện tượng nghẽn lệnh lần đầu vào nửa cuối tháng 12/2020. Tình trạng kéo dài suốt nhiều tháng nhưng chưa có giải pháp hữu hiệu. Nghẽn lệnh giao dịch ở sàn HoSE là sự cố nghiêm trọng có tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán của Việt Nam – vốn đang được kỳ vọng của giới đầu tư trong và ngoài nước. Đáng nói, sự cố diễn ra trong thời gian dài không được khắc phục.

4.2 Những nhân tố thuận lợi

- Tương tự nhiều TTCK trên thế giới, dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, TTCK Việt Nam tăng mạnh so với năm 2019 nhờ dòng tiền đến từ nhà đầu tư "F0". Bước sang năm 2021, VN-Index, HNX-Index và UPCoM-Index tiếp tục giao dịch theo chiều hướng tích cực với sự bùng nổ thanh khoản. Giá trị khớp lệnh trên 3 sàn liên tục lập kỷ lục, đạt trên dưới 18.000 tỷ đồng mỗi phiên cho thấy sức hấp dẫn của TTCK.
- Tiềm năng tăng của VN-Index đến từ việc TTCK Việt Nam được thêm vào danh sách theo dõi nâng hạng của MSCI từ thị trường cận biên sang thị trường mới nổi trong kỳ đánh giá hàng năm vào tháng 6/2021. Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam sẽ được xem xét nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 của FTSE trong kỳ đánh giá hàng năm vào tháng 9/2021. Điều này tiếp tục nâng cao hình ảnh và uy tín của thị trường tài chính Việt Nam đối với dòng vốn từ nước ngoài.
- Xét về yếu tố dòng tiền, khi mặt bằng lãi suất vẫn đang được duy trì ở mức thấp, TTCK kỳ vọng tiếp tục thu hút dòng tiền của nhà đầu tư trong nước. Về dòng tiền nước ngoài, TTCK chứng kiến tình hình đã khả quan hơn khi nhà đầu tư bắt đầu giảm bán ròng trong những tháng cuối năm 2020.
- Về việc đáp ứng tiêu chí thanh toán bù trừ, Việt Nam đang phối hợp với đối tác Hàn Quốc để triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán mới dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2021. Hệ thống giao dịch chứng khoán mới cũng được kỳ vọng sẽ góp phần triển khai thành công các sản phẩm mới như giao dịch trong ngày, bán chứng khoán chờ về, và các sản phẩm phái sinh mới, từ đó thu hút thêm dòng tiền trong và ngoài nước đổ vào TTCK Việt Nam trong thời gian tới.

5. Kế hoạch hoạt động kinh doanh 03 năm tiếp theo:

Kế hoạch phát triển thị phần môi giới:

Năm	2021F	2022F	2023F
Lợi nhuận trước thuế (Đơn vị: tỷ đồng)	299,7	354,9	425,9
Thị phần mảng môi giới	3,75%	4,26%	4,87%
Mạng lưới giao dịch/ PGD	6	7	8

* Kế hoạch đề xuất chưa được HĐQT thông qua

II. Thực hiện chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.

2. Mục đích phát hành thêm cổ phiếu:

- Tăng vốn điều lệ đảm bảo vốn pháp định theo quy định để bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng năng lực tài chính qua đó giúp tăng cường uy tín, hình ảnh và khả năng cạnh tranh của KIS trên thị trường.

3. Thông tin Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu:

- Tên cổ phiếu: Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 259.631.605 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 116.834.222 cổ phần
- Tỷ lệ chào bán: 100:45 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ được 01 quyền mua thêm 45 cổ phiếu)
- Nguyên tắc làm tròn: Cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông A sở hữu 130 cổ phiếu. Số cổ phiếu mà cổ đông A được mua thêm tính theo tỷ lệ chào bán là $130 \times 45\% = 58,5$ cổ phiếu. Sau khi làm tròn, số cổ phiếu, cổ đông A được mua thêm là 58 cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông từ chối mua: Số lượng cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông từ chối mua phát sinh từ đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ.
- Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông không được chuyển nhượng lại quyền mua, quyền mua cổ phần hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.
- Thời hạn phân phối dự kiến: trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho KIS được chào bán cổ phần.
- Giá chào bán dự kiến:
 - Giá chào bán cao nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Giá chào bán thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương pháp tính giá: Giá chào bán bằng mệnh giá cổ phiếu.
- Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 1.168.342.220.000 VND (Một ngàn một trăm sáu mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng)
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành:

$$(116.834.222 / 259.631.605 \text{ cổ phiếu}) = 45\%$$

- Mục đích của đợt chào bán: Nguồn tiền vốn dự kiến thu được sẽ sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh.

* Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến có thể thay đổi tùy theo sự điều chỉnh của HĐQT căn cứ vào tình hình thực tế huy động.

4. Tiêu chí lựa chọn và đối tượng chào bán:

Tiêu chí lựa chọn đối tượng cho đợt chào bán này là các cá nhân, tổ chức đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước là cổ đông hiện hữu tại Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam.
- Số lượng nhà đầu tư chào bán: dưới 100 nhà đầu tư (Dựa theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam chốt ngày 29/03/2021).

Ngoài ra, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Các cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của KIS và người liên quan của cổ đông (nếu có) không được sở hữu trên 5% vốn điều lệ tại một công ty chứng khoán khác (theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 74 Luật Chứng khoán 2019).
- Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của KIS (theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 77 Luật Chứng khoán 2019).

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán này sẽ hỗ trợ cung cấp hồ sơ chứng minh năng lực tài chính theo yêu cầu của UBCKNN (nếu có) thông qua các hình thức sau:

- Đối với cổ đông là cá nhân: Xác nhận của ngân hàng về số dư tiền đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi có trong tài khoản của cổ đông tại ngân hàng.
- Đối với cổ đông là tổ chức: Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán/ soát xét.

5. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán:

- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến 1.168.342.220.000 VND (bằng chữ: Một ngàn một trăm sáu mươi tám tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).
- Nguồn tiền vốn dự kiến thu được sẽ sử dụng bổ sung vào vốn hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc mở rộng các nghiệp vụ kinh doanh.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ theo Điều 77 Luật Chứng khoán 2019 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty chứng khoán.

III. Ủy quyền từ ĐHCĐ cho HĐQT để thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu:

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền từ ĐHĐCĐ cho HĐQT để thực hiện các công việc của kế hoạch tăng vốn điều lệ, HĐQT được quyền:

- Thay đổi một số nội dung của Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ trong các trường hợp mà quy định hiện hành và Điều lệ của KIS không yêu cầu phải có sự chấp thuận của Đại hội. Trường hợp Hội đồng quản trị phải thay đổi, bổ sung bất kỳ nội dung nào của Phương án, Hội đồng quản trị phải báo cáo cổ đông về các thay đổi này trong kỳ họp gần nhất.
- Tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ gồm có chuẩn bị, sửa đổi, bổ sung và trình nộp các hồ sơ hợp lệ đến UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để chấp thuận hồ sơ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
- Lựa chọn nhà đầu tư mua cổ phần theo các tiêu chí nêu tại Phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu đã được Đại hội thông qua và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Tổng hợp tài liệu chứng minh năng lực tài chính của cổ đông khi tham gia mua cổ phần trong đợt phát hành này để báo cáo UBCKNN (nếu có).
- Chuẩn bị và trình nộp các tài liệu bổ sung trong trường hợp UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu nộp thêm các tài liệu bổ sung liên quan đến hồ sơ chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu và hồ sơ tăng vốn điều lệ.
- Báo cáo kết quả chào bán cổ phần đến UBCKNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục sau khi chào bán.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi giấy phép thành lập và hoạt động, sửa đổi Điều lệ của KIS về phần vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phần.
- Quyết định các công việc, thủ tục cần thiết khác để hoàn thành kế hoạch chào bán cổ phần và tăng vốn điều lệ tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của KIS.

IV. Lịch trình công tác phát hành dự kiến:

Giai đoạn công việc	Dự kiến thời gian (ngày)
1. Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phát hành	D
2. Nộp hồ sơ đăng ký chào bán cho UBCKNN	D + 3
3. Nhận chấp thuận của UBCKNN	D + 17
4. CBTT về việc GCN đăng ký chào bán và CBTT ngày chốt DSCĐ có quyền mua và đăng thông báo phát hành lên 1 tờ báo điện tử + website.	D + 18
5. Chốt DSCĐ có quyền mua	D + 28
6. Ngày đăng kí mua cuối cùng	D + 33
7. Xác nhận Ngân hàng về số tiền bán cổ phiếu thu được tại tài khoản phong tỏa	D + 34
8. CBTT thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết + tỷ lệ sở hữu nước ngoài và Gửi Báo cáo kết quả chào bán + xác nhận ngân hàng cho UBCKNN + CBTT trên website	D + 35
9. Nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy phép hoạt động của KIS	D + 35
10. Nhận thông báo chấp thuận kết quả chào bán của UBCKNN và Công văn gửi ngân hàng về việc giải tỏa tiền	D + 35 + 3 lv
11. UBCKNN cấp Giấy phép điều chỉnh: KIS ra NQ sửa đổi Điều lệ theo phần vốn mới, CBTT Giấy phép điều chỉnh và Điều lệ	D + 35 + 7 lv
12. Đăng ký thay đổi thông tin thành viên lưu ký	

Phương án này đã được HĐQT thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BGD. BKS;
- Lưu.



11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT
5720 S. UNIVERSITY AVE.
CHICAGO, ILL. 60637
TEL: (773) 835-3100

RECEIVED
PHYSICS DEPARTMENT
UNIVERSITY OF CHICAGO
MAY 15 1964